TÒA ÁNNHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH QUẢNG NAM *******	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ———————

Bản án số: 59/2021/HS-ST
Ngày: 29/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Linh
Các Hội thẩm nhân dân:
- Bà Nguyễn Thị Mừng
- Bà Lê Thị Kim Phụng
Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Sương
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trúc Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2021/TLSTHS ngày 29 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Thị Bích P,** sinh ngày 12-7-1993 tại Đà Nẵng, nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: thôn L, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: không đi học; dân tộc: kinh ; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn D (chết) và bà Phan Thị Minh Tr (*sinh năm 1968, đang cư trú tại phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng*); gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 2; chồng Võ Chí T1 (sinh năm 1991, làm lao động phổ thông tại thôn L, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam), bị cáo có 02 đứa con, con lớn sinh năm 2016; con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*", *có mặt tại phiên tòa.*

- **Bị hại**: Bà Trần Thị V, sinh năm 1985, *có mặt*
Địa chỉ: thôn P, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam
- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Ông Lê Quốc S, sinh năm 1983, *có mặt*
Địa chỉ: thôn P, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam
- Người làm chứng:
1. Ông Võ Chí T1, sinh năm 1991, *có mặt*
Địa chỉ: thôn L, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam
2. Ông Trương Nuôi A, sinh năm 1983, *vắng mặt*
Địa chỉ: thôn B, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 24/5/2021, Trương Thị Bích P đến mua cá tại sạp cá của chị Trần Thị V ở chợ L (thuộc thôn L, xã Đ1). Sau khi mua cá xong, P thấy sát vị trí chị V đứng bán có treo 01 cái ví bằng vải màu đà trên hàng rào lưới B40 thì nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Lợi dụng lúc chị V bán cá cho người khác không chú ý thì P nhanh tay lấy cái ví kẹp vào lưng quần, lấy áo khoác che lại rồi đi về. Đến nhà, P mở ví ra kiểm tra thì thấy có số tiền mặt 1.050.000 đồng (*Một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng*), 01 chiếc nhẫn vàng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S plus màu vàng. P lấy điện thoại ra tắt nguồn rồi cất số tài sản còn lại vào trong tủ quần áo nhà mình.

Khoảng 09 giờ cùng ngày, P mang điện thoại ra cửa hàng điện thoại NA ở chợ Hà Nha (thuộc thôn H, xã Đ1) để nhờ mở khóa (do điện thoại có cài mật khẩu mở màn hình). Tại đây anh NA (chủ tiệm) mở nguồn điện thoại kiểm tra thấy hình nền điện thoại là hình cuả anh Lê Quốc S (chồng chị V) nên hỏi P điện thoại ở đâu có thì P trả lời là nhặt được. Lúc này anh Nuôi Anh điện thoại cho anh Lê Quốc S thông báo "có người nhặt được điện thoại, đến tiệm để xin lại". P lo sợ bị phát hiện nên để lại điện thoại và bỏ về. Vợ chồng chị V đến tiệm điện thoại và xem lại camera ghi hình của tiệm thì chị V nhận ra Phương. Đến ngày 26/5/2021, nhận được tin báo của chị Trần Thị V, Công an xã Đ1 mời P đến làm việc thì P thừa nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp số tài sản còn đang cất giữ gồm: 01 cái ví vải màu đà, 01 chiếc nhẫn vàng và tiền mặt 1.050.000 đồng (*Một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng*).

Tại kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS ngày 20/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận:

- 01 (*Một*) cái ví vải màu đà có kích thước 19cm x 11cm, ví cũ đã qua sử dụng có giá trị 0 đồng.
- 01 (*Một*) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, 32G, màu vàng, màn hình có vết nứt, đã qua sử dụng có giá trị 1.800.000 đồng (*Một triệu tám trăm ngàn đồng*).
- 01 chiếc nhẫn vàng 10K có trọng lượng 3,8F (*ba phân tám*) có giá trị 910.000.000 đồng (*chín trăm mười ngàn đồng*).

* *Vật chứng vụ án* thu giữ được gồm số tiền mặt 1.050.000 đồng, 01 (*Một*) cái ví vải màu đà; 01 (*Một*) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, 32G, màu vàng và 01 chiếc nhẫn vàng 10K có trọng lượng 3,8F (*ba phân tám*) nêu trên, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Đ đã trao trả lại cho chủ sở hữu Trần Thị V.

Quá trình điều tra và tại tòa, bị cáo Trương Thị Bích P đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, tỏ ra ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại cáo trạng số 62/CT-VKS ngày 21/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Trương Thị Bích P về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam giữ nguyên quan điểm truy tố đồng thời đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo P từ 12 (*Mười hai*) đến 15 (*Mười lăm*) tháng cải tạo không giam giữ, giao bị cáo về cho UBND xã Đ1 giám sát, giáo dục bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đang nuôi 02 con nhỏ.

Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị hại Trần Thị V khai về các tình tiết, diễn biến vụ trộm cắp như lời khai của bị cáo. Nay chị V đã nhận lại toàn bộ tài sản và không có

yêu cầu bồi thường gì thêm. Về hình phạt chị V yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo cho đến mức thấp nhất và không áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo.

Tại hồ sơ vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng khai phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng*:

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo không bị ép cung, mớm cung, dùng nhục hình mà đã được Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phổ biến về quyền, nghĩa vụ của mình trong từng giai đoạn tố tụng và tự khai báo về hành vi phạm tội của mình và không có khiếu nại gì. Hội đồng xét xử xác định hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên; Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1]. *Về tội danh và khung hình phạt*: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trương Thị Bích P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có cơ sở xác định được: Khoảng 07 giờ ngày 24/5/2021, tại chợ L, xã Đ1, bị cáo Trương Thị Bích P l ợi dụng sơ hở của chị Trần Thị V trong việc quản lý tài sản, lén lút trộm cắp của chị V 01 cái ví vải màu đà bên trong có số tiền mặt 1.050.000 đồng (*Một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng*), 01 chiếc nhẫn vàng 10K có trọng lượng 3,8F (ba phân tám) 01 (*Một*) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, 32G, màu vàng, màn hình có vết nứt, đã qua sử dụng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 3.760.000 đồng (*Ba triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng*).

Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trương Thị Bích P phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] *Về tính chất, mức độ của hành vi, hậu quả do bị cáo gây ra thì thấy*:

Bị cáo Trương Thị Bích P là người trưởng thành, có hiểu biết pháp luật nhưng với động cơ vụ lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác mà không phải bỏ công sức lao động, bị cáo lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của chị V và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn huyện Đ. Do đó cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và ngăn ngừa tội phạm.

[2.3] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

- *Về tình tiết tăng nặng:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo nhận tội, tỏ ra biết ăn năn hối cải. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn.

Tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Tại phiên tòa chị Trần Thị V thừa nhận đã sơ hở trong việc quản lý tài sản tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, đồng thời xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, hiện đang trực tiếp nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[2.4] Xét bị cáo P phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng thêm Điều 36 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo về cho chính quyền địa P giám sát, giáo dục là phù hợp.

[2.5] Bị cáo P hiện có điều kiện kinh tế khó khăn, chồng thất nghiệp còn bị cáo thu nhập thấp và không ổn định, đang trực tiếp nuôi 02 con nhỏ, trong đó có 01 cháu chưa đủ 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[3] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại Trần Thị V khai đã nhận lại đủ tài sản bị mất và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập.

[4] *Về vật chứng:* Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu Trần Thị V số tiền mặt 1.050.000 đồng (*Một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng*), 01 (*Một*) cái ví vải màu đà; 01 (*Một*) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, 32G, màu vàng và 01 chiếc nhẫn vàng 10K có trọng lượng 3,8F (*ba phân tám*) là phù hợp.

[5] *Về các vấn đề khác trong vụ án*:

Ông Lê Quốc S (là chồng của chị Trần Thị V) khẳng định tài sản của chị V bị P trộm cắp tại nhà là tài sản chung vợ chồng, do chị V trực tiếp quản lý, nay ông S không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 BLTTHS 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- ***Tuyên bố:*** Bị cáo Trương Thị Bích P phạm tội **"Trộm cắp tài sản"**

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự 2015; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Xử phạt: Bị cáo Trương Thị Bích P 12 (*Mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Phương.

Giao cho UBND xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục bị cáo Trương Thị Bích P trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Trương Thị Bích P.

- Về án phí: Buộc bị cáo Trương Thị Bích P phải chịu 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Q.Nam
- VKSND H. Đ
- Công an H. Đ
- Bị cáo, bị hại, người liên quan
- Chi cục THADS H.Đ
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Ái Linh